

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2025/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;

Xét Tờ trình số 135/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về dự thảo Nghị quyết Quy định mức thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 195/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định mức thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết quy định mức thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP của Chính phủ Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

2. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh được triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia.

b) Vận động viên đội tuyển các cấp, ngành lập thành tích tại giải thi đấu thể thao các cấp, ngành trên địa bàn tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị tổ chức các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia

1. Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia mức thưởng theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải quy định tại khoản 1 Điều này nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 05 huấn luyện viên.

5. Môn thi đấu đồng đội (*các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác nhận trong cùng một lần thi*) thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số người được thưởng (*số lượng người tham gia môn thể thao đồng đội theo quy định của Điều lệ giải*) nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Mức thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao trong tỉnh

Đối với cá nhân, tập thể khi lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao trong tỉnh: Mức thưởng theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của sự nghiệp thể dục thể thao theo quy định pháp luật về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí hợp pháp khác (*nếu có*).

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo các văn bản mới đó.
3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.
4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Khoá XIX, Kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Trà

Phụ lục I
MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI HUẤN LUYỆN VIÊN, VẬN ĐỘNG VIÊN
LẬP THÀNH TÍCH TẠI CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO QUỐC GIA
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mức chi
I	Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại Đại hội thể thao toàn quốc, Hội khỏe Phù đổng toàn quốc	
1	Huy chương vàng	18.000.000
2	Huy chương bạc	11.000.000
3	Huy chương đồng	7.000.000
4	Vận động viên phá kỷ lục thưởng thêm	4.000.000
II	Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải vô địch quốc gia	
1	Huy chương vàng	13.000.000
2	Huy chương bạc	9.000.000
3	Huy chương đồng	4.500.000
4	Vận động viên phá kỷ lục thưởng thêm	2.500.000
III	Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải vô địch trẻ, vô địch các câu lạc bộ toàn quốc	
	Mức thưởng bằng 80% mức thưởng vận động viên đạt giải trong các giải Vô địch quốc gia	
IV	Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại Hội thi thể thao dân tộc thiểu số; giải thể thao dành cho người khuyết tật, người cao tuổi và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng toàn quốc	
	Mức thưởng bằng 60% mức thưởng vận động viên đạt giải trong các giải Vô địch quốc gia	

Phụ lục II
MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN LẬP THÀNH TÍCH
TẠI CÁC GIẢI THI ĐẤU THỂ THAO TRONG TỈNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Mức chi
A	Đại hội thể dục thể thao và Hội khỏe Phù đồng cấp tỉnh	
I	Giải cá nhân	
1	Giải nhất	3.500.000
2	Giải nhì	2.500.000
3	Giải ba	1.500.000
4	Vận động viên phá kỷ lục thưởng thêm	2.000.000
II	Giải toàn đoàn, đội, đồng đội và giải đôi	
1	Giải đôi được thưởng bằng 1,5 lần giải cá nhân tương ứng	
2	Giải đồng đội thưởng bằng 2 lần giải cá nhân tương ứng	
3	Giải đội thể thao mức thưởng bằng mức thưởng các giải cấp tỉnh tương ứng nhân thêm 20%	
4	Giải toàn đoàn được thưởng bằng 5 lần giải cá nhân tương ứng	
III	Giải khuyến khích và các giải khác phải được quy định trong điều lệ, nhưng không được cao hơn hoặc bằng mức thưởng của giải ba của nội dung đó	
B	Đối với các giải thể thao cấp tỉnh	
I	Giải toàn đoàn	
	Giải nhất	11.000.000
	Giải nhì	7.000.000
	Giải ba	4.500.000
II	Giải cá nhân	
	Giải nhất	2.500.000
	Giải nhì	2.000.000
	Giải ba	1.500.000

III	Giải đôi	
	Giải nhất	4.000.000
	Giải nhì	3.200.000
	Giải ba	2.400.000
IV	Giải đồng đội và giải đội	
	Bằng số lượng người được thưởng nhân với 80% mức thưởng của giải cá nhân theo quy định của Điều lệ giải	
V	Giải khuyến khích và các giải khác phải được quy định trong điều lệ, nhưng không được cao hơn hoặc bằng mức thưởng của giải ba của nội dung đó	
C	Đối với Hội thi thể thao dân tộc thiểu số, các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật, người cao tuổi, các giải thi đấu thể thao cấp xã, phường, ngành thuộc tỉnh: Mức thưởng tối đa bằng 80% mức thưởng tại các giải thể thao cấp tỉnh	